

Khung thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Trang

Học viện Ngân hàng, Việt Nam

Ngày nhận: 17/10/2024

Ngày nhận bản sửa: 03/01/2025

Ngày duyệt đăng: 7/01/2025

Tóm tắt: Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro là một trong các công cụ giám sát quan trọng được cơ quan giám sát khu vực ngân hàng sử dụng để đánh giá mức độ ổn định khu vực ngân hàng, trong đó rủi ro tín dụng là rủi ro trọng yếu nhất được áp dụng. Với phương pháp tổng hợp và phân tích văn bản, nghiên cứu tiến hành phân tích cụ thể các nội dung khi thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng. Theo đó tác giả tiến hành phân tích khung thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng thành các bước: (i) xây dựng kịch bản kinh tế vĩ mô; (ii) đo lường tác động của các kịch bản tới rủi ro tín dụng; (iii) đánh giá tác động tới ngân hàng và (iv) phản ứng của cơ quan giám sát. Bên cạnh đó, tác giả tiến hành phân tích kinh nghiệm thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng tại khu vực Châu Âu, Anh và các quốc gia khu vực Châu Á đến năm 2023, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam.

Framework for conducting credit risk stress tests in banking supervision: International experience and lessons for Vietnam

Abstract: Stress testing is one of the key supervisory tools used by banking sector regulators to assess the stability of the banking system, with credit risk being the most critical risk applied. Through a method of synthesis and text analysis, the study analyzes the process involved in the supervisory credit risk stress test. Accordingly, the author breaks down the framework for conducting credit risk stress tests into the following steps: (i) constructing macroeconomic scenarios, (ii) measuring the impact of these scenarios on credit risk, (iii) assessing the impact on banks, and (iv) the response of supervisory authorities. In addition, the author analyzes the experience of conducting supervisory credit risk stress test in Europe, the United Kingdom, and various Asian countries up to 2023 and then draws lessons for Vietnam.

Keywords: Banking supervision, Stress test, Credit risk

Doi: 10.59276/JELB.2025.1.2.2827

Nguyen, Thi Thu Trang

Email: trangntt@hvn.edu.vn

Banking Academy of Vietnam

Từ khóa: *Giám sát ngân hàng, Kiểm tra sức chịu đựng, Rủi ro tín dụng*

1. Giới thiệu

Rủi ro tín dụng là một trong những rủi ro trọng yếu nhất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking Supervision [BCBS], 2000) cho rằng rủi ro tín dụng là khả năng mà người đi vay hoặc đối tác của ngân hàng không thực hiện được theo đúng nghĩa vụ đã cam kết. Khi đó ngân hàng sẽ có khả năng bị mất một phần hoặc toàn bộ khoản vay từ những sự kiện đe dọa khả năng thanh toán của khách hàng. Các sự kiện không mong muốn này bao gồm phá sản của khách hàng hoặc sự cố tình từ chối thanh toán khoản nợ của khách hàng. Tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước trong Thông tư 02/2013/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ban hành ngày 21/01/2013 định nghĩa rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Bên cạnh đó, Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định rủi ro tín dụng bao gồm rủi ro tín dụng của khách hàng liên quan đến nghĩa vụ trả nợ, ngoài ra có rủi ro tín dụng đối tác liên quan đến các giao dịch. Rủi ro tín dụng xảy ra sẽ làm suy giảm lợi nhuận của ngân hàng do phải trích lập dự phòng rủi ro nhiều hơn, từ đó suy giảm vốn của ngân hàng (Ndoka & Islami, 2016). Bên cạnh đó, rủi ro tín dụng tăng cao sẽ có nguy cơ gây mất uy tín của ngân hàng

và tác động tiêu cực tới khả năng thanh khoản của ngân hàng. Khi nhiều ngân hàng cùng duy trì mức độ rủi ro tín dụng cao rất dễ dẫn tới rủi ro đổ vỡ mang tính chất hệ thống. Do tính chất trọng yếu của rủi ro tín dụng như vậy đối với ngân hàng và nền kinh tế, khi Cơ quan giám sát thực hiện các hoạt động giám sát ngân hàng nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động của từng ngân hàng và cả hệ thống cần thực hiện trước tiên và tập trung hơn đối với rủi ro tín dụng. Kiểm tra sức chịu đựng (KTSCĐ) rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng, do đó, được hiểu là phương pháp được cơ quan giám sát sử dụng để đánh giá khả năng chịu đựng rủi ro tín dụng của các ngân hàng thuộc đối tượng giám sát trước những kịch bản bất lợi.

BCBS (2017) khi thực hiện khảo sát tại 31 cơ quan giám sát trên thế giới về KTSCĐ trong giám sát ngân hàng thì nhận thấy rủi ro tín dụng là rủi ro được thực hiện nhiều nhất so với các rủi ro khác, phần lớn cơ quan giám sát các quốc gia được khảo sát (97%) thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng. Trong khi đó tỷ lệ thực hiện KTSCĐ các rủi ro còn lại thì ít hơn, bao gồm rủi ro thị trường (90%), sau đó đến rủi ro thanh khoản (59%). Ngoài ra, các cơ quan giám sát trong khảo sát cũng thực hiện KTSCĐ đánh giá các rủi ro khác như rủi ro lãi suất, rủi ro tập trung, rủi ro quốc gia, rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng đối tác và rủi ro kinh doanh.

Đã có một số nghiên cứu đề cập đến khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng, tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu tập trung vào khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong hoạt động giám sát ngân hàng. Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích văn

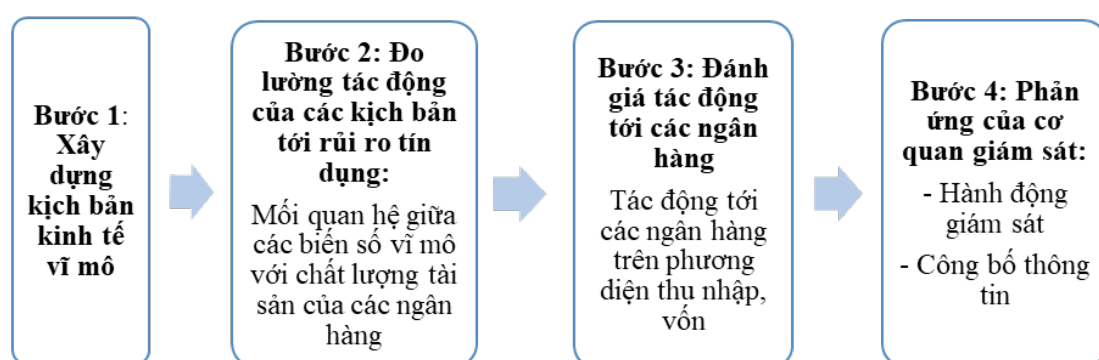
bản, bài viết được thực hiện nhằm phân tích rõ các nội dung trong khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng tại phần 2, tổng hợp thông tin trong quy định và thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng tại Châu Âu, Anh và các quốc gia Châu Á trong phần 3 và từ đó rút ra một số bài học cho Việt Nam ở phần 4.

2. Tổng quan về khung thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng

Phương pháp KTSCĐ được áp dụng trong giám sát ngân hàng tại nhiều ngân hàng trung ương (NHTW) và các cơ quan quản lý. Blaschke và cộng sự (2001) trong một nghiên cứu độc lập của IMF đã tổng kết các phương pháp và kinh nghiệm thực hiện KTSCĐ trong chương trình giám sát nhằm ổn định hệ thống tài chính, trong đó cũng nêu cụ thể áp dụng cho rủi ro tín dụng. BCBS (2006) đã tích hợp trong trụ cột 1 phương pháp KTSCĐ để dự tính các khoản nợ xấu, dự phòng cũng như mức độ đủ vốn của các ngân hàng, đồng thời cũng là một nội dung của trụ cột 2 về giám sát ngân hàng vào nội dung của Basel II. BCBS (2009) đã khẳng định KTSCĐ là phương

pháp quan trọng cần được các cơ quan giám sát áp dụng, ngoài ra BCBS cũng đưa ra một số khuyến nghị trong việc thực hiện KTSCĐ nói chung và KTSCĐ rủi ro tín dụng và nợ xấu. Borio và cộng sự (2014) khẳng định lại KTSCĐ vĩ mô cần tập trung trước hết vào rủi ro tín dụng trong đó rủi ro tín dụng được đánh giá thông qua nợ xấu tại sổ ngân hàng.

Phương pháp KTSCĐ còn được NHTW và cơ quan giám sát các nước áp dụng trực tiếp nhằm hỗ trợ công tác giám sát ngân hàng. Foglia (2009) cho rằng có 3 phương pháp để xây dựng kịch bản trong KTSCĐ là mô hình kinh tế lượng cấu trúc, phương pháp tự hồi quy véc tơ và/hoặc phương pháp tiếp cận thống kê thuần túy như NHTW các nước như Anh, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Hà Lan và NHTW Châu Âu (ECB) thường áp dụng phương pháp tự hồi quy véc tơ. BCBS (2017) khảo sát việc thực hiện KTSCĐ trong hoạt động giám sát ngân hàng tại 31 cơ quan giám sát khác nhau của 23 quốc gia thành viên, bao gồm các hoạt động KTSCĐ nhằm đảm bảo an toàn vĩ mô và an toàn vĩ mô giai đoạn 2009- 2016. Kết quả cho thấy KTSCĐ trong giám sát được thực hiện ngày càng phổ biến, mỗi cơ quan giám sát đã thực hiện 4 cuộc KTSCĐ, trong đó rủi ro tín dụng là rủi ro được thực



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 1. Khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng

hiện nhiều nhất so với các rủi ro khác. Baudino và cộng sự (2018) trong nghiên cứu được thực hiện bởi Ngân hàng Thanh toán quốc tế BIS đã phân tích về việc thực hiện KTSCĐ trong giám sát ngân hàng, tập trung so sánh thực hiện hoạt động này bởi cơ quan giám sát tại Châu Âu, Anh, Nhật Bản và Thụy Sĩ. Nghiên cứu nhận thấy KTSCĐ trong giám sát ngân hàng được áp dụng cho các rủi ro điển hình như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất và rủi ro hoạt động. Không phải lúc nào các cơ quan cũng thực hiện KTSCĐ cho tất cả các loại rủi ro, tuy nhiên rủi ro tín dụng luôn là rủi ro được thực hiện sâu rộng nhất.

Tại Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF, KTSCĐ được áp dụng khi thực hiện Chương trình ổn định tài chính (Financial Sector Assessment Programs- FSAP) tại các nước phát triển và đang phát triển nhằm đánh giá khả năng chống đỡ của khu vực tài chính trước các cú sốc và áp dụng cho các rủi ro khác nhau, trong đó có rủi ro tín dụng. KTSCĐ tại IMF được thực hiện thông qua xây dựng các cú sốc ngoại sinh và đánh giá tác động đến nền kinh tế thông qua mô hình kinh tế vĩ mô và tác động đến vốn của ngân hàng thông qua các mô hình vệ tinh (Cihak, 2007). BCBS (2006) cho rằng các ngân hàng cần thực hiện KTSCĐ để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về đủ vốn, đồng thời cơ quan giám sát sẽ cần rà soát lại việc thực hiện KTSCĐ của ngân hàng. Do phương pháp KTSCĐ ngày càng đóng vai trò quan trọng, BCBS đã ban hành bộ nguyên tắc riêng về triển khai và giám sát KTSCĐ vào năm 2009 và 2018, trong đó bộ nguyên tắc năm 2018 bao gồm 9 nguyên tắc áp dụng cho cả ngân hàng và cơ quan giám sát (BCBS, 2009, 2018).

Dựa trên hướng dẫn của IMF và Basel, cơ quan giám sát các quốc gia đã áp dụng và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong hoạt động giám sát của mình.

Trong đó, khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng được mô tả theo các bước như trong Hình 1. Cụ thể bước thứ nhất xây dựng các kịch bản kinh tế vĩ mô nhằm phản ánh các kịch bản về các biến số kinh tế vĩ mô. Bước thứ hai, xây dựng mô hình ước lượng mối quan hệ giữa rủi ro tín dụng và các biến vĩ mô, đồng thời xác định rủi ro tín dụng của ngân hàng khi kịch bản vĩ mô xảy ra. Ước lượng mối quan hệ giữa rủi ro tín dụng với các biến kinh tế vĩ mô thông qua các mô hình vệ tinh hay mô hình phụ trợ phản ánh mối liên hệ giữa rủi ro tín dụng với các biến kinh tế vĩ mô, qua đó xem xét tác động của các kịch bản đến rủi ro tín dụng, phản ánh chất lượng tài sản của ngân hàng. Nghiên cứu của Fogila (2009) cho thấy cơ quan giám sát khi thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng áp dụng thì biến số đo lường rủi ro tín dụng có thể là tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ dự phòng mất vốn, xác suất vỡ nợ và tổn thất trong trường hợp vỡ nợ, và với rủi ro tín dụng có thể áp dụng phương pháp tiêu chuẩn hoặc nâng cao bước thứ ba, đánh giá tác động của các kịch bản tới các ngân hàng thông qua lợi nhuận và/hoặc vốn từ đó đánh giá khả năng chịu đựng của các ngân hàng trước các kịch bản xấu đã được thiết lập ở bước 1. Bước thứ tư, phản ứng của cơ quan giám sát liên quan đến các hoạt động giám sát và công bố thông tin về KTSCĐ rủi ro tín dụng.

3. Kinh nghiệm quốc tế về thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng

Cơ quan giám sát các quốc gia bắt đầu tìm hiểu và tập trung thực hiện KTSCĐ trong giám sát ngân hàng kể từ đầu những năm 2000 (Dent, 2016). Nghiên cứu tiến hành tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng nói riêng tại Châu Âu, Anh và một số

quốc gia Châu Á. Ba quốc gia/nhóm quốc gia được lựa chọn đa dạng về quy mô, mức độ phát triển và cách thức thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng. Cơ sở để lựa chọn các quốc gia/nhóm quốc gia trên bao gồm:

Thứ nhất, tuy cùng khởi xướng hoạt động thực hiện KTSCĐ trong giám sát từ những năm 2000, tuy nhiên hoạt động này tại Châu Âu và Anh tương đối phát triển, trở thành hoạt động quan trọng thường niên, được cơ quan giám sát tổ chức theo phương pháp Bottom-up. Việc tìm hiểu kinh nghiệm lâu năm về nội dung này với những quy định cụ thể và hướng dẫn rõ ràng từ các quốc gia/nhóm quốc gia dẫn đầu trong hoạt động giám sát ngân hàng thông qua thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng sẽ giúp Việt Nam định hướng được xa hơn và bài bản hơn.

Thứ hai, các quốc gia Châu Á có đặc điểm tương đồng với Việt Nam hơn, và hiện vẫn thực hiện KTSCĐ ở mức độ tương đối sơ khai và thực hiện KTSCĐ theo phương pháp Top-down (Siregar, 2011). Việc học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia gần và có mức độ phát triển tương đồng sẽ giúp dễ dàng so sánh và đưa ra được những bài học trước mắt có thể thực hiện hiệu quả giám sát ngân hàng thông qua KTSCĐ rủi ro tín dụng cho Việt Nam.

3.1. Kinh nghiệm tại Châu Âu

Rủi ro tín dụng luôn là một trong các rủi ro được thực hiện trong KTSCĐ tổng thể cho các ngân hàng thương mại tại Châu Âu. Mục tiêu của cấu phần KTSCĐ rủi ro tín dụng nhằm đánh giá tác động của các kịch bản kinh tế vĩ mô tới chất lượng tín dụng và các khoản tổn thất do rủi ro tín dụng có thể xảy ra trong tương lai. Nội dung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng là một cấu phần của KTSCĐ tổng thể ngân hàng tại khu vực Châu Âu và chiếm 75% giá trị tài sản

khu vực ngân hàng tại Châu Âu (European Central Bank [ECB], 2023). KTSCĐ rủi ro tín dụng trong hoạt động giám sát ngân hàng được phân tích cụ thể cho năm 2023 như sau:

Thứ nhất, xây dựng kịch bản kinh tế vĩ mô
Cũng như kịch bản kinh tế vĩ mô chung cho các rủi ro khác, kịch bản kinh tế vĩ mô để thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng được chia thành hai nhóm kịch bản, nhóm kịch bản cơ sở (do ECB thiết lập) và nhóm kịch bản bất lợi (do Hội đồng rủi ro hệ thống Châu Âu - ESRB thiết lập). Theo đó, kịch bản cơ sở tỷ lệ lạm phát khu vực liên minh Châu Âu giảm từ 9% năm 2022 xuống còn 2,3% năm 2025, lãi suất hoán đổi EUR 1 năm và 10 năm tương ứng 3,9% và 3%. Kịch bản bất lợi tỷ lệ lạm phát khu vực liên minh Châu Âu giảm từ 9% năm 2022 xuống còn 3,8% năm 2025, lãi suất hoán đổi EUR 1 năm và 10 năm tương ứng 5,2% và 4,5%. Các kịch bản nhìn chung đều đưa ra tỷ lệ lạm phát cao trong dài hạn dẫn tới gia tăng lãi suất thị trường và làm tổn thất GDP cho nền kinh tế dẫn tới sụt giảm giá tài sản và giá bất động sản (ECB, 2023).

Thứ hai, đo lường tác động của các kịch bản tới rủi ro tín dụng

Các ngân hàng thuộc đối tượng thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng được yêu cầu phân loại tài sản và vị thế rủi ro theo quy định của Ủy ban ngân hàng Châu Âu (European Banking Authority- EBA), dựa trên cách phân loại vị thế của phương pháp nội bộ. Rủi ro tín dụng đối với tất cả tài sản trên sổ ngân hàng, bao gồm cả rủi ro tín dụng đối tác. Rủi ro tín dụng được đánh giá cho tất cả các chủ thể, bao gồm Chính phủ, tổ chức tài chính và phi tài chính, doanh nghiệp, cá nhân hộ gia đình. Rủi ro tín dụng đối tác được đánh giá với các vị thế chịu rủi ro khi đối tác phá sản (bao gồm vị thế danh mục

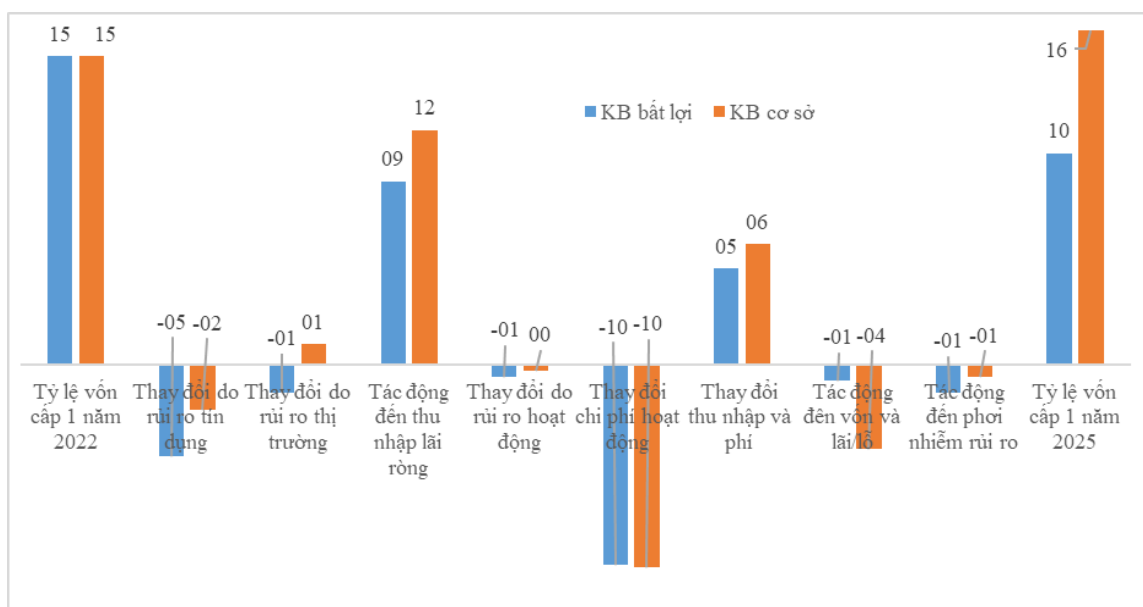
cho vay, chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn và có thể cả chứng khoán sẵn sàng để bán khi giá trị được ghi nhận thông qua lãi/lỗ). Tất cả các khoản mục nội bảng và ngoại bảng đều được đánh giá rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, ngân hàng còn được yêu cầu phân biệt các danh mục theo phương pháp nội bộ hay phương pháp tiêu chuẩn.

Theo ECB (2023), các ngân hàng tại Châu Âu sử dụng mô hình nội bộ để xây dựng các mô hình vệ tinh để đo lường tác động của các kịch bản vĩ mô đến rủi ro tín dụng thông qua các hệ số xác suất vỡ nợ (Probability of Default-PD), hệ số tổn thất trong trường hợp vỡ nợ (Loss Given Default- LGD, nếu ngân hàng nào không có mô hình nội bộ thì sử dụng các hệ số chuẩn được ECB ban hành; sau khi ước tính PD và LGD của từng danh mục (danh mục khách hàng bán lẻ, khách hàng doanh nghiệp,..), ngân hàng tính toán PD và LGD tổng thể của ngân hàng mình. PD và LGD của ngân hàng thay đổi từ đó tác động tới tổn thất do giảm giá trị của các tài sản mới và cũ, phát sinh dòng tiền ghi nhận do giảm

giá trị. Dòng tiền bị suy yếu do giảm giá trị được tính toán trên cơ sở dự phòng rủi ro từ đó tác động đến lãi/lỗ của ngân hàng khi các kịch bản vĩ mô xảy ra. Từ đó, ngân hàng cần tính toán tác động tới sự thay đổi của tài sản có rủi ro, sự thay đổi của vốn và từ đó tính toán mức vốn cần bổ sung nếu có cho rủi ro tín dụng.

Thứ ba, đánh giá tác động tới các ngân hàng

Kết quả cuộc KTSCĐ năm 2023 của toàn bộ khu vực Châu Âu cho thấy khi kịch bản bất lợi xảy ra khiến cho ngân hàng phải ghi nhận các khoản thua lỗ do rủi ro tín dụng bằng cách ghi nhận giảm giá trị của những tài sản tài chính chưa được đo lường đủ giá trị hợp lý, làm tỷ lệ vốn cấp 1 giảm từ 15,1% xuống còn 10,4% với kịch bản bất lợi và tăng lên 16,4% với kịch bản cơ sở trong đó rủi ro tín dụng chịu tác động mạnh nhất so với các rủi ro khác, làm giảm 4,5% và 2,2% với kịch bản bất lợi và kịch bản cơ sở (ECB, 2023). Trong đó, các khoản sụt giảm do rủi ro tín dụng chủ yếu đến từ



Nguồn: ECB (2023)

Hình 2. Kết quả kiểm tra sức chịu đựng trong giám sát ngân hàng tại Châu Âu

các khoản tín dụng doanh nghiệp (34,5%) và cá nhân (37,2%) hơn là các khoản được đảm bảo bởi bất động sản (ECB, 2023). Từ Hình 2 có thể kết luận mức độ nghiêm trọng của rủi ro tín dụng so với các rủi ro khác khi thực hiện giám sát ngân hàng tại khu vực Châu Âu thông qua KTSCĐ.

Thứ tư, phản ứng của cơ quan giám sát
EBA được trao quyền hạn tham gia kiểm tra chất lượng về mô hình và kết quả KTSCĐ của các ngân hàng. Đặc biệt, EBA có quyền yêu cầu thông tin trực tiếp từ ngân hàng, yêu cầu cơ quan giám sát các quốc gia thành viên thực hiện các đánh giá rà soát cụ thể và thậm chí thực hiện các cuộc thanh tra tại chỗ, cũng như thực hiện kiểm toán độc lập một vài thông tin quan trọng.
Ngân hàng dựa trên kết quả thực hiện KTSCĐ sẽ bị yêu cầu đánh giá lại mô hình hoặc những tính toán của mình, cung cấp luận giải hoặc nộp lại báo cáo trong trường hợp những luận giải của ngân hàng chưa đủ sức thuyết phục. Bên cạnh đó, EBA thực hiện hướng dẫn để các ngân hàng khu vực Châu Âu thực hiện KTSCĐ một cách đồng nhất. EBA dựa trên kết quả của cuộc KTSCĐ để giám sát và đánh giá khu vực ngân hàng tại Châu Âu. Với những ngân hàng không được thông qua bài KTSCĐ do không đáp ứng được yêu cầu về vốn khi có tình huống xấu xảy ra, EBA sẽ tìm hiểu và phân tích nguyên nhân, từ đó có những hành động giám sát tiếp theo. EBA cũng cung cấp

báo cáo kết quả KTSCĐ về từng ngân hàng và tiến hành phân tích kết quả và công bố rộng rãi, minh bạch cho công chúng.

3.2. Kinh nghiệm tại Anh

KTSCĐ rủi ro tín dụng là một cấu phần trong KTSCĐ tổng thể các ngân hàng nhằm mục tiêu giám sát ngân hàng tại Anh. Nội dung KTSCĐ rủi ro tín dụng trong hoạt động giám sát ngân hàng tại Anh được phân tích cho cuộc KTSCĐ năm 2023 như sau:

Thứ nhất, xây dựng kịch bản kinh tế vĩ mô
Để thực hiện kiểm tra sức chịu đựng cho năm 2023, một số thông số trung bình 5 năm cho kịch bản chu kỳ được thể hiện tại bảng 1. Riêng năm 2023, kịch bản KTSCĐ được đưa ra: GDP tại Anh là 0,1%, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 5,3%, giá bất động sản giảm 31% và lãi suất ngân hàng đạt 5,1% (Bank of England, 2023).

Thứ hai, đo lường tác động của các kịch bản tới rủi ro tín dụng
Bank of England (BoE) (2023) công bố văn bản hướng dẫn cách thức đánh giá tác động của các thông số vĩ mô tới ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại sử dụng mô hình KTSCĐ của chính ngân hàng mình theo phương pháp Bottom-up để đo lường tác động của các kịch bản vĩ mô được cung cấp tác động tới các cấu

Bảng 1. Kịch bản kiểm tra sức chịu đựng tại Anh

Thông số	Trung bình 5 năm
Tăng trưởng GDP trung bình của UK	0,1%
Tăng trưởng GDP trung bình của thế giới	3,1%
Tỷ lệ thất nghiệp tại Anh	5,3%
Giá bất động sản tại Anh	-31%
Lãi suất ngân hàng tại Anh	5,1%

Nguồn: Bank of England (2023)

phần như sau:

Cầu phần thứ nhất, tác động tới việc ghi nhận tổn thất giảm cho các khoản cho vay và trả trước, phân theo loại tài sản và thời gian. Ngân hàng khi đánh giá tác động cần đưa ra các giả định quan trọng. Việc ghi nhận suy giảm giá trị XVA (X-valuation adjustment) được thể hiện như sau: (i) Điều chỉnh giá trị Credit (Credit Valuation Adjustment- CVA) đo lường điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng ngày hôm nay khi có rủi ro phá sản bởi đối tác. Bởi chất lượng tín dụng của các đối tác sẽ bị suy giảm khi có các kịch bản vỡ mô xảy ra, do đó CVA cần được sử dụng để đo lường tác động này. Khi đánh giá tác động CVA, ngân hàng cần sử dụng phương pháp, cách tính hệ số PD, LGD tương ứng như với tính toán CVA hiện tại của ngân hàng. (ii) Điều chỉnh giá trị Debit (Debit Valuation Adjustment- DVA). Điều chỉnh giá trị Debit phản ánh điều chỉnh giá trị biến động trong chất lượng tín dụng của ngân hàng. DVA là phần giá trị chưa được ghi nhận khi tính toán tổn thất dự kiến của rủi ro giao dịch (traded risk). Điều này là do tính toán vốn pháp lý giả định khoản lợi ích có được do DVA không được ghi nhận, do đó tác động của DVA cũng không được ghi nhận khi tính toán nguồn cho vốn pháp định.

Cầu phần hai, tác động tới tài sản có rủi ro (Risk-Weighted Assets-RWA) dự kiến, tính toán tác động của các kịch bản đến CVA. Trong trường hợp đối tác bị phá sản, khoản phá sản sẽ nên được thay thế bởi khoản vay tương tự chứ không được giảm RWA cho CVA, trừ trường hợp phá sản nghiêm trọng (ví dụ như phá sản đối tác không có tài sản đảm bảo), điều chỉnh giảm CVA có thể được phản ánh thông qua các biện pháp quản trị chứ không ghi giảm RWA cho CVA. Các ngân hàng thương mại cần phải duy trì chính sách phòng ngừa khi tính toán yêu cầu vốn cho rủi ro CVA. Các ngân hàng thương mại có thể xem xét việc

thay đổi chính sách quản trị rủi ro CVA khi kịch bản bất lợi xảy ra, chứ không được thay đổi RWA cho CVA.

Thứ ba, đánh giá tác động tới ngân hàng NHTW Anh (Bank of England, 2023) công bố văn bản hướng dẫn cách thức đánh giá tác động. Vì KTSCĐ tại Anh thực hiện theo phương pháp Bottom-up nên các ngân hàng thương mại sử dụng mô hình KTSCĐ của chính ngân hàng mình có thể áp dụng phương pháp tiêu chuẩn hoặc nâng cao với rủi ro tín dụng. BoE (2023) hướng dẫn với từng phương pháp thể hiện như Bảng 2.

Theo phương pháp tiêu chuẩn: Phương pháp tính toán CVA và biến động CVA được thực hiện theo phương pháp tiêu chuẩn như giá trị rủi ro và giảm xếp hạng tín dụng khi các kịch bản diễn ra, đều cần được ghi nhận vào thành phần vốn dự kiến. RWA gia tăng do việc giảm xếp hạng tín

Bảng 2. Kết quả kiểm tra sức chịu đựng các ngân hàng tại Anh năm 2023

	Tỷ lệ vốn cấp 1
Cuối năm 2022	14,20%
Suy giảm giá trị	-4,10%
Cho vay mua nhà	-0,50%
Tín dụng tiêu dùng	-1,30%
Tín dụng doanh nghiệp	-2,10%
Tín dụng khác	-0,20%
Thay đổi do chuyển qua IFRS 9	0,70%
Thua lỗ do rủi ro giao dịch	-1,50%
Tài sản có rủi ro	-0,30%
Thu nhập lãi thuần	4,60%
Thu nhập từ phí	1,30%
Chi phí và thuế	-4,0%
Phân bổ lại	-0,3%
Khác	0,20%
Cuối năm 2023	10,80%

Nguồn: Bank of England (2023)

dụng sẽ được ghi nhận khi tính toán tỷ trọng để tính toán RWA cho CVA theo phương pháp tiêu chuẩn.

Theo phương pháp nâng cao: Các phương pháp đo lường như giá trị theo rủi ro (Value at Risk- VaR) và các tính toán đo lường khác theo phương pháp nâng cao sẽ được cấu phần nên RWA cho CVA theo phương pháp nâng cao. Theo đó, cấu phần VaR để tính CVA theo phương pháp nâng cao cần được tương ứng với các tính toán khi tính rủi ro thị trường. Ngoài ra, ngân hàng cũng cần duy trì sự tương đồng khi đo lường giá trị rủi ro dự kiến khi tính RWA cho CVA theo phương pháp nâng cao và RWA cho rủi ro tín dụng đối tác như đã được chỉ ra khi tính yêu cầu vốn pháp định. Cuối cùng, khi các kịch bản tác xảy ra tác động đến chênh lệch tín dụng cần được phản ánh thông qua thay đổi mức độ khi tính RWA cho CVA.

Thứ tư, phản ứng của cơ quan giám sát

BoE công bố khung KTSCĐ ra công chúng sẽ giúp gia tăng niềm tin của công chúng, đồng thời hỗ trợ các nhà quản lý trong lập và thực thi chính sách. Các kết quả được đưa ra dưới dạng tích hợp, tổng thể về các ngân hàng tham gia đánh giá chứ không đưa kết quả của từng ngân hàng.

BoE công bố kết quả KTSCĐ các ngân hàng tại Anh năm 2023 vào tháng 11/2023. Tỷ lệ vốn cấp 1 suy giảm từ 14,2 % xuống còn 10,8%, giảm 3,4%. Trong đó, nguyên nhân chính đến từ việc suy giảm giá trị liên quan đến cho vay mua nhà, cho vay tiêu dùng và tín dụng cho doanh nghiệp, tương ứng với mức giảm 0,5%, 1,3 % và 2,1% (Bank of England, 2023).

3.3. Kinh nghiệm tại các nước Châu Á

NHTW các nước Châu Á khi thực hiện KTSCĐ cũng lựa chọn thực hiện trước tiên

KTSCĐ về rủi ro tín dụng. Nội dung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng được phân tích dựa trên bốn bước. Cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng kịch bản kinh tế vĩ mô

Các quốc gia lựa chọn các kịch bản vĩ mô khác nhau để thực hiện KTSCĐ. Cụ thể các yếu tố được xây dựng kịch bản cho KTSCĐ tín dụng được nêu trong Bảng 3. Có thể nhận thấy các thông số vĩ mô được các quốc gia lựa chọn nhiều nhất khi xây dựng kịch bản là GDP, lãi suất, lạm phát và tỷ giá.

Thứ hai, đo lường tác động của các kịch bản tới rủi ro tín dụng

Ngoài ra việc lựa chọn mô hình để đo lường tác động của các kịch bản cũng rất quan trọng. Có nhiều phương pháp được sử dụng khác nhau tại các ngân hàng các quốc gia Châu Á khi áp dụng KTSCĐ rủi ro tín dụng. Phương pháp được sử dụng sớm nhất tại các quốc gia là phương pháp tiêu chuẩn, sau đó đến phương pháp xếp hạng nội bộ cơ bản và xếp hạng nội bộ nâng cao. Quốc gia áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao sớm nhất là Hong Kong, Nhật Bản, Singapore và Đài Loan, tiếp đến là Đài Loan và Hàn Quốc, sau đó mới tới Indonesia, Malaysia, Philippines và Ấn Độ (Siregar, 2011).

Thứ ba, đánh giá tác động tới ngân hàng

Mỗi NHTW sẽ có cách thức đo lường tác động của các kịch bản vĩ mô khác nhau. Tại NHTW Malaysia (Bank Negara Malaysia - BNM) năm 2023 thực hiện KTSCĐ hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 3 năm từ năm 2023 đến năm 2025. Có 3 kịch bản vĩ mô được đưa ra bao gồm 2 kịch bản bản căng thẳng. BNM khi thực hiện KTSCĐ giả định không có sự can thiệp về mặt chính sách của bất kì cơ quan nào, cũng như các ngân hàng không đưa ra hoạt động

Bảng 3. Kịch bản vĩ mô cho kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng tại một số quốc gia Châu Á

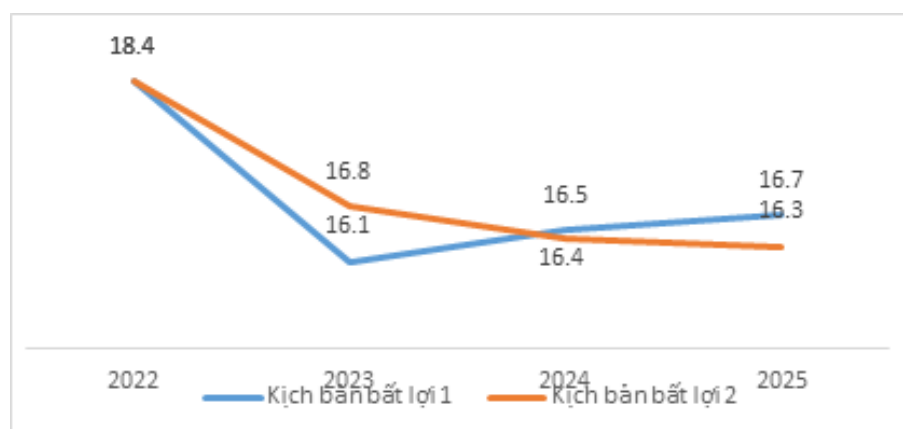
Quốc gia	Kịch bản
Hong Kong	Kịch bản cho tăng trưởng GDP nội địa Kịch bản cho tăng trưởng GDP đại lục Kịch bản cho lãi suất và giá đất
Indonesia	Giảm tỷ lệ credit collectability 20% Tăng lãi suất 100 điểm Giảm giá 20% cho danh mục ngoại tệ có kì hạn dưới 3 tháng Tăng giá trái phiếu Chính phủ 20% Giảm tỷ lệ tăng trưởng GDP
Malaysia	Các nhân tố vĩ mô được so sánh với các mức thấp nhất trong lịch sử như cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, bong bóng dotcom 2001 và khủng hoảng SARS 2003 các nhân tố vĩ mô cũng được xem xét như kinh tế toàn cầu và khu vực bị suy giảm trong thời gian dài
Philippines	Kịch bản cho tỷ lệ tăng trưởng GDP Kịch bản cho lãi suất Kịch bản cho lạm phát Kịch bản cho tỷ lệ tăng trưởng kiều hối Kịch bản cho tỷ giá (theo USD)
Singapore	Kịch bản cho shock vĩ mô Kịch bản cho shock kinh tế toàn cầu Kịch bản cho shock trong chi trả cổ tức và tỷ lệ sinh lời
Đài Loan	Giảm thu nhập của các doanh nghiệp đi vay Giảm thu nhập của các cá nhân, hộ gia đình đi vay Giảm giá trị tài sản đảm bảo
Thái Lan	Kịch bản cho tỷ lệ tăng trưởng GDP và các cấu phần của GDP Kịch bản cho lãi suất Kịch bản cho lạm phát Kịch bản cho tỷ giá (theo USD) Kịch bản cho giá dầu thô Kịch bản cho tỷ lệ tăng trưởng GDP của các quốc gia đối tác

Nguồn: Siregar (2011)

quản trị nào khi có các kịch bản xảy ra, trong đó kịch bản căng thẳng 1- nền kinh tế suy thoái hình chữ V với tỷ lệ thất nghiệp đạt 5,4%. Kịch bản căng thẳng 2- nền kinh tế suy thoái hình chữ L với tỷ lệ thất nghiệp giả định đạt 6%. KTSCĐ hệ thống ngân hàng tại Malaysia ngoài rủi ro tín dụng, còn đánh giá rủi ro thị trường, rủi ro sức vốn ngoại và rủi ro lan truyền (BNM, 2023). Kết quả KTSCĐ hệ thống ngân hàng tại Malaysia năm 2023 cho thấy các ngân hàng tại Malaysia có thể hấp thụ được những khoản lỗ tiềm tàng từ vốn và thu nhập khi có các kịch bản xấu xảy ra, hệ số vốn cấp 1 trong tất cả các kịch bản vẫn lớn hơn tỷ lệ yêu cầu tối thiểu 9% (Hình 2). Tuy nhiên

BNM (2023) đánh giá rằng hơn 63% các khoản thua lỗ của hệ thống ngân hàng xảy ra là do rủi ro tín dụng trong cả hai kịch bản xấu. Nguyên nhân đến từ việc suy giảm giá trị chủ yếu đến từ các khoản vay cá nhân, hộ gia đình, sau đó đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các doanh nghiệp còn lại. Kết quả thực hiện KTSCĐ ngân hàng tại Malaysia năm 2023 cho thấy tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu (Capital Adequacy Ratio-CAR) giảm từ 18,4 % xuống 16,7% với kịch bản bất lợi 1 và 16,3% với kịch bản bất lợi 2.

Thứ tư, phản ứng của cơ quan giám sát NHTW các nước Châu Á chủ yếu lựa chọn



Nguồn: Bank Negara Malaysia (2023)

Hình 3. Kết quả thực hiện kiểm tra sức chịu đựng ngân hàng tại Malaysia năm 2023

không công bố đầy đủ kết quả KTSCĐ trong đó có KTSCĐ rủi ro tín dụng. Nếu có công bố như NHTW các quốc gia Indonesia, Malaysia và Philippines thì kết quả chỉ được công bố một phần thông qua báo cáo đánh giá ổn định tài chính. NHTW Malaysia trong báo cáo đánh giá ổn định tài chính (BNM, 2023) cũng đưa ra kết luận về việc hệ thống ngân hàng Malaysia chịu được các cú sốc căng thẳng và duy trì được hoạt động cho vay với nền kinh tế, và chỉ có 02 ngân hàng chiếm 1% tổng tài sản không duy trì được hệ số CAR khi có kịch bản bất lợi xảy ra. Việc đưa ra các hành động giám sát ngân hàng dựa trên kết quả KTSCĐ, do đó, cũng không được cơ quan giám sát các quốc gia công bố rộng rãi cho công chúng.

4. Kết luận và một số bài học cho Việt Nam

Thực hiện KTSCĐ ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong những năm gần đây, và trở thành cộng cụ cốt lõi không chỉ trong phạm vi quản trị rủi ro của ngân hàng mà còn trong hoạt động giám sát ngân hàng và đảm bảo an toàn vĩ mô. Bài viết đã phân tích khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng

trong giám sát ngân hàng và kinh nghiệm thực hiện khung thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng tại khu vực Châu Âu, Anh và các quốc gia Châu Á với giai đoạn nghiên cứu đến năm 2023. Từ những nội dung phân tích trên một số bài học cho Việt Nam được rút ra như sau:

Thứ nhất, về vai trò của thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng
BCBS (2017) cho thấy 97% cơ quan giám sát được khảo sát thực hiện KTSCĐ cho rủi ro tín dụng. Kinh nghiệm giám sát ngân hàng tại Châu Âu, Anh và một số quốc gia Châu Á thông qua thực hiện KTSCĐ trong đều có thực hiện cho rủi ro tín dụng. Như vậy có thể khẳng định KTSCĐ rủi ro tín dụng là một cấu phần không thể thiếu khi thực hiện giám sát ngân hàng thông qua KTSCĐ. Điều này được lý giải do vai trò quan trọng của hoạt động tín dụng cũng như rủi ro tín dụng mang lại đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Thứ hai, về xây dựng kịch bản vĩ mô khi thực hiện kiểm tra sức chịu đựng rủi ro tín dụng
Kinh nghiệm thực hiện giám sát ngân hàng thông qua KTSCĐ tại các quốc gia Châu

Âu, Anh và một số quốc gia Châu Á cho thấy dù được thực hiện theo phương pháp Bottom-up hay Top-down thì cơ quan giám sát là chủ thể công bố kịch bản vĩ mô. Kịch bản này cần đảm bảo có khả năng xảy ra, nhưng cũng cần mang tính bất thường nhằm đánh giá được khả năng chống đỡ của các ngân hàng trong tình huống bất lợi. BCBS (2017) kết hợp với kinh nghiệm thực hiện KTSCĐ từ ECB và BoE cho thấy các kịch bản cần phải được xây dựng kỹ lưỡng, đôi khi cần kết hợp với các cơ quan khác ví dụ như Bộ Tài chính, Tổng Cục thống kê để đưa ra kịch bản vĩ mô. Thường có ít nhất là 2 kịch bản kinh tế vĩ mô được thiết lập bao gồm kịch bản cơ sở và một hoặc nhiều kịch bản bất lợi.

Thứ ba, về đo lường rủi ro tín dụng trước các kịch bản vĩ mô

Có hai nhóm phương pháp để đo lường rủi ro tín dụng các ngân hàng trước các kịch bản vĩ mô là dựa trên chất lượng khoản vay như nợ xấu, dự phòng mất vốn hoặc phương pháp dựa trên số liệu xác suất vỡ nợ. Việc sử dụng phương pháp đo lường nào phụ thuộc vào mức độ sẵn có của dữ liệu cũng như phương pháp đo lường rủi ro tín dụng mà đối tượng ngân hàng đang áp dụng. ECB và BoE sử dụng việc đo lường rủi ro tín dụng thông qua các hệ số PD, LGD từ đó đánh giá các khoản suy giảm giá trị của các khoản vay. Còn NHTW các nước Châu Á khi áp dụng phương pháp tiêu chuẩn thì đánh giá rủi ro tín dụng qua chỉ tiêu nợ xấu, một số quốc gia áp dụng được theo phương pháp nâng cao sẽ đo lường thông qua hệ số PD, LGD.

Thứ tư, về đánh giá tác động đến ngân hàng trước các kịch bản vĩ mô

Kinh nghiệm thực hiện giám sát ngân hàng thông qua KTSCĐ rủi ro tín dụng tại Châu Âu và Anh cho thấy đánh giá tác động cuối

cùng của các kịch bản vĩ mô tới rủi ro tín dụng cũng như các rủi ro khác cần được đo lường cuối cùng tới vốn của ngân hàng, như hệ số vốn cấp 1 (như ECB và BoE) hoặc hệ số vốn (như BNM). Từ việc đánh giá tác động tới vốn sẽ xác định được đối tượng giám sát là ngân hàng nào đáp ứng đủ yêu cầu về mức vốn tối thiểu từ đó cơ quan giám sát sẽ đưa ra các hoạt động giám sát can thiệp.

Thứ năm, về công bố thông tin khi thực hiện KTSCĐ rủi ro tín dụng trong giám sát ngân hàng

Cơ quan giám sát có nhiều lựa chọn trong việc công bố thông tin về KTSCĐ cho công chúng có thể công bố một phần hoặc toàn bộ. KTSCĐ không phải là dự báo tương lai, mà là một cuộc đánh giá và kiểm tra xem việc gì sẽ diễn ra nếu có một tình huống xấu xảy ra. Thực hiện KTSCĐ hiệu quả sẽ có tăng tính minh bạch và tăng niềm tin của công chúng về hệ thống ngân hàng. Việc đưa ra công bố cho các ngân hàng và công chúng phương thức đánh giá và các giả định chung, thống nhất cách thực hiện sẽ đảm bảo được thông tin minh bạch và rõ ràng và gia tăng niềm tin của người dân về hệ thống ngân hàng. ECB và BoE hàng năm thực hiện KTSCĐ trong đó có rủi ro tín dụng, trong đó kịch bản, phương pháp, kết quả từng ngân hàng được công bố công khai. Trong khi đó KTSCĐ tại NHTW các nước Châu Á thường có mức độ công bố thông tin hạn chế hơn. ■

Tài liệu tham khảo

- Bank Negara Malaysia. (2023). *The Financial Stability Review- Second half 2022*.
- Bank of England. (2023). *Stress testing the UK banking system: 2022/23 results*.
- Basel Committee on Banking Supervision. (2000). *Stress testing by large financial institutions: Current practice and aggregation issues*. Bank for International Settlements. ISBN 92-9131-601-6.
- Basel Committee on Banking Supervision. (2006). *International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards: A Revised Framework Comprehensive Version*. ISBN 92-9197-720-9.
- Basel Committee on Banking Supervision. (2009). *Principles for sound stress testing practices and supervision*. ISBN 92-9197-784-5.
- Basel Committee on Banking Supervision. (2017). *Supervisory and bank stress testing: Range of practices*. ISBN 978-92-9259-126-7.
- Basel Committee on Banking Supervision. (2018). *Stress testing principles*. ISBN 978-92-9259-207-3.
- Baudino, P., Goetschmann, R., Henry, J., Taniguchi, K., & Zhu, W. (2018). *Stress-testing banks: a comparative analysis* (FSI Insights). Bank for International Settlements. ISBN 978-92-9259-203-5.
- Blaschke, W., Jones, M.T., Majnoni, G., & Peria, S.M., (2001). *Stress Testing of Financial Systems: An Overview of Issues, Methodologies, and FSAP Experiences*. (IMF Working Paper No. WP/01/88). International Monetary Fund.
- Borio, C., Drehmann, M., & Tsatsaronis, K. (2014). Stress-testing macro stress testing: does it live up to expectations?. *Journal of Financial Stability*, 12, 3-15. <https://doi.org/10.1016/j.jfs.2013.06.001>
- Cihák, M. (2007). Stress testing- A review of key concepts. *CNB International research and policy notes*.
- Dent, K., Westwood, B., & Segoviano Basurto, M. (2016). Stress testing of banks: an introduction. *Bank of England Quarterly Bulletin*. <https://ssrn.com/abstract=2866325>
- European Central Bank. (2023). *2023 stress test of Euro area banks- Final results*. https://www.bankingsupervision.europa.eu/ecb/pub/pdf/ssm.Report_2023_Stress_Test-96bb5a3af8.en.pdf
- Foglia, A. (2009). *Stress testing credit risk: A survey of authorities' approaches*. (Occasional Paper No. 37). Bank of Italy. <https://doi.org/10.2139/ssrn.1396243>
- Ndoka, S., & Islami, M. (2016). The impact of credit risk management in the profitability of Albanian commercial banks during the period 2005-2015. *European Journal of Sustainable Development*, 5(3), 445-445. <https://doi.org/10.14207/ejsd.2016.v5n3p445>
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2013). *Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài* (ban hành ngày 21/01/2013). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-02-2013-TT-NHNN-phan-loai-tai-san-co-muc-trich-phuong-phap-trich-lap-165814.aspx>
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2016). *Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* (ban hành ngày 30/12/2016). <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2017/02/41-nhnn.signed.pdf>
- Siregar, R.(2011). *Macro-prudential approaches to banking regulation: Perspectives of selected Asian Central Banks* (ADB Working Paper No 325). Asian Development Bank Institute. <https://doi.org/10.2139/ssrn.1965937>